ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/ĐA-UBND	*Quy Nhơn, ngày 23 tháng 02 năm 2024*

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

- Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

UBND thành phố Quy Nhơn xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.

4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

9. Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định; Kết luận số 294-KL/TU ngày 14/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

Thành phố Quy Nhơn nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Bình Định; phía Đông là biển Đông, phía Tây giáp huyện Tuy Phước, phía Bắc giáp huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát, phía Nam giáp thị xã Sông Cầu của tỉnh Phú Yên; có tổng diện tích tự nhiên 286,06 km^2, quy mô dân số 319.208 người [(1)]; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Bình Định, được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh vào ngày 25/01/2010 [(2)].

Hiện nay, thành phố có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc. Theo quy định tại Điểm 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì có 05 ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính nên thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023 – 2025.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phấn đấu xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành đô thị văn minh, hiện đại, bên cạnh việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh thì vấn đề sắp xếp, tổ chức hợp lý hệ thống ĐVHC cấp xã của thành phố theo chủ trương của Đảng, Nhà nước là nhiệm vụ cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tập trung được mọi nguồn lực và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

Phần II
HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã từ năm 1945 đến nay

Những năm 1945 - 1954, Quy Nhơn nằm trong vùng tự do của Liên khu V, được nhập thêm thôn Xuân Quang và xã Phước Tấn của huyện Tuy Phước; từ xã đặc biệt trực thuộc tỉnh (tháng 6/1950) trở lại thị xã (cuối năm 1951), chia ra các khu: I, II, Mới (III và IV cũ), V, VI Đông, VI Tây.

[(1)] Số liệu tại được cung cấp tại Công văn số 1487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 25/8/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Định.
[(2)] Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Giai đoạn 1955 - 1975, các xã: Phước Hậu, Phước Hải, Phước Lý, Phước Châu của huyện Tuy Phước lần lượt được sáp nhập vào Quy Nhơn. Ngày 18/4/1961, Quy Nhơn từ thị xã trở thành xã đặc biệt trực thuộc quận Tuy Phước [3]. Ngày 30/9/1970 được nâng lên thành thị xã trực thuộc Trung ương [4], lập 2 quận Nhơn Bình và Nhơn Định với 16 khu phố, nội thị có 48 vùng, 1.051 liên gia.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975), tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Ngãi nhập thành tỉnh Nghĩa Bình, Quy Nhơn được chọn là thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Nghĩa Bình. Năm 1982, xã Nhơn Thạnh (tức xã Phước Hậu cũ) được tách ra lập hai xã mới: Nhơn Bình và Nhơn Phú. Tháng 7/1986 theo Quyết định số 81/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, xã Phước Thạnh của huyện Tuy Phước được nhập vào Quy Nhơn, chia làm hai phường mới: Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu; Quy Nhơn được nâng từ thị xã lên thành phố trực thuộc tỉnh.

Ngày 30/6/1989, tỉnh Nghĩa Bình được chia thành hai tỉnh: Bình Định và Quảng Ngãi, Quy Nhơn là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Bình Định [5]. Ngày 26/12/1997, phường Quang Trung được tách thành ba phường: Quang Trung, Ghềnh Ráng và Nguyễn Văn Cừ; hai xã Nhơn Bình và Nhơn Phú thành hai phường Nhơn Bình, Nhơn Phú [6]. Ngày 4/9/1998, phường Lý Thường Kiệt được thành lập từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Ngô Mây, Lê Hồng Phong, Trần Phú; phường Thị Nại được thành lập từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Đống Đa và Trần Hưng Đạo [7]. Ngày 15/11/2005, xã Phước Mỹ thuộc huyện Tuy Phước được chuyển về thành phố Quy Nhơn [8].

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

Tính đến ngày 31/12/2023, thành phố Quy Nhơn có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc (gồm 16 phường và 5 xã), trong đó:

- Phường loại I: 11 đơn vị (gồm: Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Nhơn Phú, Nhơn Bình, Đống Đa, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ, Quang Trung, Ghềnh Ráng).

- Phường loại II: 05 đơn vị (gồm: Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Trần Phú, Lý Thường Kiệt).

- Xã loại I: 01 đơn vị (Nhơn Châu).

- Xã loại II: 04 đơn vị (gồm: Phước Mỹ, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Lý).

Toàn thành phố có 145 thôn, khu phố (gồm 16 thôn và 129 khu phố).

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN

1. Thành phố Quy Nhơn

1.1. Diện tích tự nhiên: 286,06 km^2.

1.2. Quy mô dân số: 319.208 người.

---

[3] Theo Nghị định số 261-BNV/NC8/NĐ của Tổng thống VNCH dẫn trong *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính*... Tlđd

[4] Theo *Sắc lệnh số 113-SL/NV* của Thủ tướng VNCH, Sđd.

[5] Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 5

[6] Nghị định số 118/1997/NĐ-CP ngày 26/12/1997của chính Phủ.

[7] Nghị định số 70/1998/NĐ-CP ngày 04/9/1998 của Chính phủ.

[8] Nghị định số 143/2005/NĐ-CP ngày 15/11/2005 của Chính phủ.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố (tính đến thời điểm 31/12/2022)

a) Về lĩnh vực kinh tế

Tổng giá trị sản xuất *(theo giá so sánh năm 2010)* đạt 92.371,6 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ, trong đó: nhóm ngành nông, lâm, thuỷ sản tăng 3,2%; nhóm ngành công nghiệp - xây dựng tăng 10,4%; nhóm các ngành còn lại tăng 14,5%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm 54,38%, dịch vụ chiếm 43,11%, nông - lâm - thủy sản chiếm 2,51% *(so với năm 2021 là: Công nghiệp, Xây dựng 54,74% - Dịch vụ 42,51% - Nông, Lâm, Thủy sản 2,75%).*

- Sản xuất công nghiệp – xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 59.603,2 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ, trong đó: ngành công nghiệp tăng 10,1%, ngành xây dựng tăng 11,1%.

- Thương mại, dịch vụ, du lịch:

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 30.669,3 tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 41.736,2 tỷ đồng, tăng 16,7%. Trong đó: Doanh thu ngành thương nghiệp tăng 13%; khách sạn, nhà hàng tăng 40,2%; lữ hành tăng 824,4%; doanh thu dịch vụ tăng 25,5%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 990 triệu USD, tăng 7,1%; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 241,2 triệu USD, tăng 7,6%. Hàng hoá thông qua cảng biển đạt 13,7 triệu tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Năm 2022, thành phố đón 3,7 triệu lượt khách du lịch, tăng 185,2%; doanh thu du lịch đạt 11.807 tỷ đồng, tăng 658,3%.

- Sản xuất nông, lâm, thuỷ sản:

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.099,1 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 272,3 tỷ đồng, tăng 2,6%.

+ Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 211,3 tỷ đồng, tăng 3,2%.

+ Giá trị sản xuất thủy sản đạt 1.615,5 tỷ đồng, tăng 3,2%.

- Về tài chính ngân sách

Tổng thu ngân sách thành phố thực hiện 3.534,192 tỷ đồng, đạt 126,67% dự toán năm; chi ngân sách 1.590,84 tỷ đồng, đạt 98,66% so với dự toán, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 790 tỷ đồng, đạt 94,51%; chi thường xuyên là 800,84 tỷ đồng, đạt 106,17%.

b) Lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý đô thị, đất đai, môi trường

- Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án

+ Công tác quy hoạch

Lập thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố. UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/2000 phường Nhơn Bình, Nhơn Phú và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 đối với 12 phường nội thành; thành phố phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/500: Khu tái định cư cao tốc Bắc - Nam, Khu dân cư khu vực 1 và 4 phường Đống Đa, hạ tầng kỹ thuật hai bên sông Hà

Thanh (từ cầu Đôi đến cầu Hoa Lư)…; quy hoạch lộ giới một số tuyến đường trên địa bàn; điều chỉnh quy hoạch cục bộ một số công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư.

+ Công tác đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án

Giá trị khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 đạt 900 tỷ đồng; giá trị thanh toán đạt 790 tỷ đồng, đạt 94,51% kế hoạch năm. Tập trung đẩy nhanh bồi thường giải phóng mặt bằng và tiến độ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố.

- Công tác quản lý đô thị, quản lý đất đai và môi trường

+ Công tác quản lý đô thị

Công tác quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, tình trạng lấn chiếm lòng đường đậu đỗ xe, kinh doanh buôn bán đã giảm, các trường hợp vi phạm được xử lý kịp thời.

+ Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng và môi trường

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời, kiên quyết đối với các trường hợp lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng công trình, vật kiến trúc, san lấp mặt bằng trái phép. Trong năm 2022 đã kiểm tra 1.532 trường hợp trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, phát hiện và xử lý 567 trường hợp vi phạm.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, xử lý kiên quyết tình trạng khai thác cát trái phép thuộc Khu Kinh tế Nhơn Hội, khai thác đá tại khu vực sườn phía Đông núi Hòn Chà; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khai thác, vận chuyển khoáng sản tại phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và xã Phước Mỹ.

c) Lĩnh vực văn hóa – xã hội

- Về Văn hoá, thông tin, truyền thanh và thể thao

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan, trang trí khánh tiết, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn. Chất lượng phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* được nâng cao, thành phố công nhận: 139/145 khu phố/thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 95,86%; 08/16 phường đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt tỷ lệ 50%; 04/04 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt tỷ lệ 100%.

Nâng cao chất lượng hoạt động truyền thanh thành phố và phường, xã. Triển khai lắp đặt, vận hành 155 cụm loa và thiết bị Đài truyền thanh thông minh công nghệ thông tin - viễn thông cho 11 đơn vị, địa phương.

- Về Giáo dục và Đào tạo

Hoàn thành năm học 2021-2022 ở các bậc học, với chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non được nâng cao, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%, tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,98%, tỷ lệ học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS đạt 99,95%. Xây dựng Trường Tiểu học Âu Cơ, Trường Mẫu giáo Nhơn Bình được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác xây dựng xã hội học tập, tổ chức đánh giá, công nhận "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn

vị học tập" theo phân cấp; thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài để hỗ trợ cho học sinh nghèo, giáo viên và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Về Y tế, Dân số - KHHGĐ

Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác. Tổ chức tốt công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho nhân dân trên địa bàn thành phố.

Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh ẩm thực đường phố phục vụ khách du lịch và các bếp ăn tập thể của các doanh nghiệp. Tổ chức khám, điều trị cho 121.934 lượt bệnh nhân, điều trị nội trú cho 13.934 bệnh nhân. Tăng cường công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và đẩy mạnh hoạt động chăm sóc người cao tuổi.

- Về Lao động - thương binh - xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và chính sách đối với người có công. Năm 2022, thành phố có 86 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,12% (giảm 0,03% so với kế hoạch); 187 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,25%; giữ vững 08 phường, xã không còn hộ nghèo.

Phê duyệt 1.505 dự án vay vốn hỗ trợ việc làm cho 1.505 lao động vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, với tổng dư nợ cho vay là 109,208 tỷ đồng. Triển khai đưa 97/140 lao động tham gia xuất khẩu lao động, đạt tỷ lệ 69,28%. Thực hiện tốt công tác phát triển đối tượng tham gia BHYT được 302.565/291.374 người, đạt 103,84% so với kế hoạch tỉnh giao; BHXH (bao gồm BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện) được 68.797/68.105 người, đạt 101%. Mở 03 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với 103 học viên, kinh phí 174,84 triệu đồng.

d) Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

- Về quốc phòng

Thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 2022, nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập theo kế hoạch. Hoàn thành công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đạt 100% chỉ tiêu. Hoàn thành công tác diễn tập khu vực phòng thủ thành phố và diễn tập chiến đấu của 7 phường, xã trong khu vực phòng thủ. Tổ chức 08 khóa bồi dưỡng giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng trên địa bàn.

Duy trì nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phối hợp với các lực lượng chức năng nắm chắc tình hình, tuần tra, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu; xây dựng vững chắc các tiềm lực trong khu vực phòng thủ. Thực hiện tốt công tác theo dõi nhân lực tàu thuyền tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Về an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội

Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm, triệt phá nhiều ổ nhóm tội phạm, tụ điểm về ma túy, mại dâm. Triển khai thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ và cao điểm 90 ngày, đêm triển khai các giải pháp bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu phục vụ triển khai Luật Cư trú năm 2020.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố, trong năm 2022 tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu

chí so với năm 2021, cụ thể: xảy ra 36 vụ *(giảm 19 vụ - 34,5%)*; 30 người chết *(giảm 02 người - 6,25%)*; 17 người bị thương *(giảm 11 người - 39,3%)*. Tập trung xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về trật tự an toàn giao thông.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã

2.1. Số lượng ĐVHC cấp xã

Thành phố Quy Nhơn có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm:

- 16 phường: Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Nhơn Phú, Nhơn Bình, Đống Đa, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Hải Cảng, Lê Lợi, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ, Quang Trung, Ghềnh Ráng.

- 05 xã: Phước Mỹ, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Lý, Nhơn Châu.

2.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

ĐVHC thuộc diện sắp xếp gồm có 05 Phường: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 01 đơn vị (phường Thị Nại).

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

Số TT	**Tên đơn vị hành chính**	**Diện tích tự nhiên** (km^2)	**Quy mô dân số** (người)	**Số dân là người dân tộc thiểu số** (người)	**Các chính sách đặc thù đang hưởng**	**Các ĐVHC cùng cấp liền kề**
1	Phường Trần Hưng Đạo	0,47 (đạt 8,5%)	10.001 (đạt 142,9%)	105	Không có	Các phường: Thị Nại, Hải Cảng, Lê Lợi, Lê Hồng Phong.
2	Phường Lê Lợi	0,57 (đạt 10,4%)	14.090 (đạt 201,3%)	0	Không có	Các phường: Trần Hưng Đạo, Hải Cảng, Trần Phú.
3	Phường Trần Phú	0,66 (đạt 12%)	11.541 (đạt 164,9%)	0	Không có	Các phường: Lê Lợi, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Văn Cừ.
4	Phường Lê Hồng Phong	0,97 (đạt 17,6%)	17.954 (đạt 256,5%)	40	Không có	Các phường: Đống Đa, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Trần Phú, Ngô Mây.
5	Phường Lý Thường Kiệt	0,69 (đạt 12,5%)	9.311 (đạt 133%)	21	Không có	Các phường: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km^2)	Quy mô dân số (người)	Số dân là đồng bào dân tộc thiểu số (người)	Các chính sách đặc thù đang hưởng	Các ĐVHC cùng cấp liền kề
1	Phường Thị Nại	1,9 (đạt 34,5%)	12.367 (đạt 176,7%)	41	Không có	Các phường: Đống Đa, Trần Hưng Đạo, Lê Hồng Phong, Hải Cảng.

(Chi tiết tại các Phụ lục 2-2A, 2-2B kèm theo)

Phần III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sắp xếp ĐVHC đô thị cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp.

1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 phường: **Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Thị Nại** thành 01 ĐVHC.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở của việc sắp xếp ĐVHC

+ Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.

+ Việc sáp nhập để giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC gắn với tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

+ Các phường thực hiện sáp nhập có địa giới hành chính liền kề nhau.

- Lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Theo quy định tại Điểm 2, Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì phường Trần Hưng Đạo có diện tích tự nhiên: 0,47 km^2 (đạt 8,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 10.001 người (đạt 142,9% so với tiêu chuẩn); phường Lê Lợi có diện tích tự nhiên: 0,57 km^2 (đạt 10,4% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 14.090 người (đạt 201,3% so với tiêu chuẩn) nên thuộc diện phải sắp xếp.

Phường Thị Nại có diện tích tự nhiên: 1,9 km^2 (đạt 34,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 12.367 người (đạt 176,7% so với tiêu chuẩn) nên không thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên, vì tổng diện tích tự nhiên của 02 phường: Trần Hưng

Đạo và Lê Lợi chưa đảm bảo tiêu chuẩn, trong khi phường Thị Nại có vị trí liền kề và trước đây được thành lập theo Nghị định số 70/1998/NĐ-CP ngày 04/9/1998 của Chính phủ trên cơ sở có điều chỉnh 14,3 ha diện tích tự nhiên và 4.121 nhân khẩu của phường Trần Hưng Đạo nên việc sáp nhập 03 phường này thành 01 ĐVHC để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định là phù hợp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã mới hình thành có:

- Diện tích tự nhiên: 2,94 km^2 (đạt 53,5% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 36.458 người (đạt 520,8% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là đồng bào dân tộc thiểu số: 146 người.

- Giới cận của ĐVHC:

+ Phía Bắc giáp Đầm Thị Nại.

+ Phía Đông giáp phường Hải Cảng.

+ Phía Tây giáp phường Đống Đa và phường Trần Phú (mới).

+ Phía Nam giáp Biển và phường Trần Phú (mới).

- *Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC:* Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của UBND phường Lê Lợi (số 10 đường Hai Bà Trưng – TP Quy Nhơn).

- Đặt tên ĐVHC mới hình thành là phường "Thị Nại" (giữ lại tên gọi hiện nay của phường Thị Nại).

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC:

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt được 100% tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh	Kết quả	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ		Đủ
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0% (tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm gần nhất của thành phố là 0,11%)	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	-	-	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	80%	98%	Đạt

+ Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Có 12/13 tiêu chuẩn đạt theo quy định. Cụ thể:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị Loại I	Kết quả	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	03 Trạm Y tế đều đạt tiêu chuẩn theo quy định	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	01 Trung tâm Thương mại, 02 chợ hạng 1	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	0,89	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	2,3	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.367	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 9	9,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,2	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	85% (tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao: ≥ 40%)	Đạt

12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 4	7,41	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 phường: **Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt** thành 01 ĐVHC.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở của việc sắp xếp ĐVHC

+ Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.

+ Việc sáp nhập để giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC gắn với tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

+ Các phường thực hiện sáp nhập có địa giới hành chính liền kề nhau.

- Lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Theo quy định tại Điểm 2, Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì phường Trần Phú có diện tích tự nhiên: 0,66 km^2 (đạt 12% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 11.541 người (đạt 164,9% so với tiêu chuẩn); phường Lê Hồng Phong có diện tích tự nhiên: 0,97 km^2 (đạt 17,6% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 17.954 người (đạt 256,5% so với tiêu chuẩn); phường Lý Thường Kiệt có diện tích tự nhiên: 0,69 km^2 (đạt 12,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 9.311 người (đạt 133% so với tiêu chuẩn) nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã mới hình thành có:

- Diện tích tự nhiên: 2,32 km^2 (đạt 42,2% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 38.806 người (đạt 554,4% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là đồng bào dân tộc thiểu số: 61 người.

- Giới cận của ĐVHC:

+ Phía Bắc và phía Đông giáp phường Thị Nại (mới).

+ Phía Tây giáp phường Đống Đa và phường Ngô Mây.

+ Phía Nam giáp Biển và phường Nguyễn Văn Cừ.

- *Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC:* Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của UBND phường Lý Thường Kiệt (số 88 đường Phạm Hùng – TP Quy Nhơn).

- Đặt tên ĐVHC mới hình thành là phường "Trần Phú" (giữ lại tên gọi hiện nay của phường Trần Phú).

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC:

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt được 100% tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh	Kết quả	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ		Đủ
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0,05% (tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm gần nhất của thành phố là 0,11%)	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	-	-	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	80%	96%	Đạt

+ Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Có 12/13 tiêu chuẩn đạt theo quy định. Cụ thể:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị	Kết quả	Đánh giá
			Loại I		
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	03 Trạm Y tế đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	01 Trung tâm Thương mại, 01 chợ hạng 2 và 01 chợ hạng 3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	0,73	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	5,85	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.154	Đạt

7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 9	14,633	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	4,985	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	89% (tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao: ≥ 40%)	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 4	12,22	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Tại Điểm 1, Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên".

Như vậy, ĐVHC mới hình thành từ việc sáp nhập 03 phường: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Thị Nại có diện tích tự nhiên 2,94 km^2 (đạt 53,5%) và ĐVHC mới hình thành từ việc sáp nhập 03 phường: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt có diện tích tự nhiên 2,32 km^2 (đạt 42,2%), tuy chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên nhưng do được nhập từ 03 ĐVHC cùng cấp nên phù hợp theo quy định.

III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: 21 đơn vị (gồm 16 phường, 05 xã).

2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: 17 đơn vị (gồm 12 phường, 05 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: 04 phường.

Phần IV
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

Qua sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, hiệu suất công việc của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao; tiết kiệm được ngân sách nhà nước.

1.2. Tác động tiêu cực

Quy mô dân số của 02 ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp khá lớn nên công tác quản lý nhà nước sẽ gặp một số khó khăn.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

a) Sắp xếp các ĐVHC cấp xã có quy mô nhỏ thành ĐVHC có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện để tập trung các nguồn lực về đất đai, nhân lực, mở rộng không gian để quy hoạch theo hướng hiện đại; phát huy hiệu quả các tiềm năng thế mạnh về dịch vụ, du lịch để phát triển; tạo điều kiện, môi trường kinh doanh thuận lợi cho các thành phần kinh tế và tạo thêm việc làm cho người lao động.

b) Kinh tế trên địa bàn phát triển sẽ tạo tiền đề, điều kiện thúc đẩy các lĩnh vực khác cùng phát triển, thu nhập bình quân đầu người và chất lượng cuộc sống của người dân sẽ được nâng lên.

2.2. Tác động tiêu cực

Khi mở rộng ĐVHC cần tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật…tiến tới đồng bộ chỉnh trang đô thị trung tâm nên đòi hỏi nguồn vốn lớn.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

a) Việc sắp xếp nhiều ĐVHC thành 01 ĐVHC sẽ tạo nên sự tập trung, thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là các kế hoạch chuyên đề, kế hoạch mở đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội…; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

b) Việc xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng cũng sẽ đồng bộ, thống nhất, tập trung và hiệu quả hơn. Công tác đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên và thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự được thực hiện chặt chẽ. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đảm bảo hoàn thành tốt chỉ tiêu được giao.

3.2. Tác động tiêu cực

Khi sắp xếp ĐVHC sẽ có tác động nhất định đến công tác nắm địa bàn, do địa giới hành chính được mở rộng hơn trước và phải mất thời gian để tiếp cận, tìm hiểu.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Tập trung được nguồn lực để đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính; đồng thời tạo sự thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.2. Tác động tiêu cực

Quy mô dân số của hai ĐVHC mới hình thành khá lớn, tạo áp lực trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

5. Tác động khi nhập ĐVHC cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC: Không có.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Thuận lợi

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng; sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định pháp luật, tạo thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định và Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố Quy Nhơn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao; cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của UBND thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025; công tác tuyên truyền, phổ biến được triển khai đồng bộ, sâu rộng giúp cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức, đồng tình ủng hộ với chủ trương của Đảng, nhà nước trong thực hiện sắp xếp ĐVHC.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Thành phố Quy Nhơn có 05 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn và 01 ĐVHC liên quan phải thực hiện việc sắp xếp trong cùng một thời điểm nên tác động lớn đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở; nhiều cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư cần phải giải quyết hợp lý.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp có thể sẽ gặp khó khăn, nhất là việc bố trí các chức danh cán bộ lãnh đạo.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn là nhiệm vụ rất quan trọng, khối lượng công việc phải thực hiện rất nhiều, tác động trực tiếp đến nhiều đối tượng, nhất là việc sắp xếp, kiện toàn, đảm bảo cho tổ chức bộ máy ở ĐVHC mới hình thành sớm đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

- Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp ĐVHC nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, dư luận xã hội trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

- Xác định rõ lộ trình, các công việc phải thực hiện trong từng năm của giai đoạn 2023-2025, bảo đảm phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, sự phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị thành phố và UBND các phường thực hiện sắp xếp; phát huy tính chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị gắn với tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, chất lượng và hiệu quả.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2023

a) Tổ chức Hội nghị quán triệt và xây dựng Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.

b) Xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.

1.2. Năm 2024

a) Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố giai đoạn 2023-2025.

- Hoàn thành việc xây dựng Đề án, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến và trình UBND tỉnh trước ngày 29/02/2024.

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri và HĐND các phường thực hiện sắp xếp trong tháng 3/2024.

- Tổng hợp kết quả, trình HĐND thành phố cho ý kiến trong tháng 4/2024.

- Hoàn thiện hồ sơ Đề án, trình UBND tỉnh trong tháng 5/2024.

b) Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp xã sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

c) Tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

d) Tập trung giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

đ) Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

e) Lập thủ tục đề nghị thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của các cơ quan, tổ chức và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

1.3. Năm 2025

a) Tổ chức thành công đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 (trong đó có các ĐVHC hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023-2025).

b) Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và những người dôi dư sau đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 ở những ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

c) Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

d) Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

đ) Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp xã.

e) Tổ chức sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

2.1. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Dự kiến khoảng 700 triệu đồng (gồm: Kinh phí tuyên truyền, vận động; xây dựng Đề án; tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã,…)

2.2. Nguồn kinh phí thực hiện

Sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách. Căn cứ Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND thành phố sẽ chỉ đạo, tổ chức lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

a) Tổ chức Đảng:

Ban Thường vụ Thành ủy chỉ định ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy, bí thư, phó bí thư đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy của các phường mới hình thành.

b) Ủy ban MTTQ:

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ thành phố hiệp y, thống nhất với đảng ủy phường quyết định thành lập Ủy ban MTTQ của các phường mới hình thành; công nhận danh sách ủy viên Ủy ban MTTQ, ban thường trực Ủy ban MTTQ phường.

c) Các đoàn thể chính trị - xã hội:

- Ban Thường vụ Thành Đoàn trao đổi, thống nhất với đảng ủy phường và quyết định chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư Đoàn TNCSHCM của các phường mới hình thành.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân: Ban Thường vụ các Hội của thành phố trao đổi, thống nhất với đảng ủy phường và quyết định chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch tổ chức hội của các phường mới hình thành.

d) Tổ chức chính quyền địa phương:

- Đại biểu HĐND của các ĐVHC trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- HĐND của ĐVHC mới bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ và hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

đ) Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Đảng ủy, UBND phường trao đổi, thống nhất với ban thường vụ tổ chức hội của thành phố về dự kiến nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch tổ chức hội của các phường mới hình thành. Trên cơ sở đó, UBND phường gửi báo cáo về UBND thành phố *(qua phòng Nội vụ thành phố)* để đề nghị ra quyết định công nhận.

e) Tổ chức đơn vị trường học, trạm y tế:

- Ổn định tổ chức các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) trên địa bàn các ĐVHC thuộc diện sắp xếp để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học; nghiên cứu, điều chỉnh đề án sắp xếp các trường học trên địa bàn thành phố để triển khai thực hiện cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC.

- Nhập nguyên trạng Trạm y tế các phường thuộc diện sắp xếp *(phương án nhập các Trạm y tế do Trung tâm y tế thành phố xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định)*.

g) Về Quân sự:

Ban chỉ huy Quân sự thành phố tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo thực hiện theo Văn bản số 2376/BQP-TM ngày 08/7/2023 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện tổ chức lực lượng DQTV sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

h) Về Công an:

Công an thành phố báo cáo Công an tỉnh để có phương án sắp xếp, bố trí lực lượng Công an của từng ĐVHC mới thành lập cho phù hợp.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách của các phường thực hiện sắp xếp

a) Phường Trần Hưng Đạo (ĐVHC loại II)

- Số lượng cán bộ: 10 người (trong đó chức danh Chủ tịch UBND phường là cán bộ thành phố luân chuyển).

- Số lượng công chức: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 10 người.

b) Phường Lê Lợi (ĐVHC loại II)

- Số lượng cán bộ: 08 người (trong đó có chức danh Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND, Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND).

- Số lượng công chức: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 07 người.

c) Phường Thị Nại (ĐVHC loại II)

- Số lượng cán bộ: 10 người.

- Số lượng công chức: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 08 người.

d) Phường Trần Phú (ĐVHC loại II)

- Số lượng cán bộ: 11 người.

- Số lượng công chức: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 11 người.

đ) Phường Lê Hồng Phong (ĐVHC loại I)

- Số lượng cán bộ: 10 người.

- Số lượng công chức: 11 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 09 người.

e) Phường Lý Thường Kiệt (ĐVHC loại II)

- Số lượng cán bộ: 09 người.

- Số lượng công chức: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 08 người.

2.2. Phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại ĐVHC mới hình thành

2.2.1. Phương án bố trí đội ngũ cán bộ, công chức

a) Số lượng cán bộ, công chức của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập phường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo và phường Thị Nại (ĐVHC loại II, quy mô dân số 36.458 người).

- Số lượng cán bộ, công chức hiện có của 03 phường: 55 người (28 cán bộ, 27 công chức).

- Số lượng cán bộ, công chức của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập: 29 người. Bao gồm:

+ Số lượng cán bộ, công chức theo ĐVHC loại II: 21 người.

+ Số lượng công chức được tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính

phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố [(9)]: 08 người.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau sáp nhập ĐVHC: 26 người.

b) Số lượng cán bộ, công chức của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập phường Trần Phú, phường Lê Hồng Phong và phường Lý Thường Kiệt (ĐVHC loại I, quy mô dân số 38.806 người).

- Số lượng cán bộ, công chức hiện có của 03 phường: 59 người (30 cán bộ, 29 công chức).

- Số lượng cán bộ, công chức của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập: 32 người. Bao gồm:

+ Số lượng cán bộ, công chức theo ĐVHC loại I: 23 người.

+ Số lượng công chức được tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ: 09 người.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau sáp nhập ĐVHC: 27 người.

c) Tổng số cán bộ, công chức dôi dư của các phường thực hiện sắp xếp: 53 người.

d) Phương án bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức của các ĐVHC mới hình thành

Căn cứ các quy định về công tác cán bộ, tiến hành lựa chọn những người đảm bảo tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực để bố trí giữ các chức vụ cán bộ lãnh đạo, đồng thời sắp xếp các chức danh công chức ở các phường mới hình thành theo số lượng quy định *(gồm có số lượng cán bộ, công chức được phân bổ theo ĐVHC và số lượng công chức được tăng thêm theo quy mô dân số).*

Tổng số cán bộ, công chức của 02 phường mới hình thành: 61 người.

đ) Phương án giải quyết đối với cán bộ, công chức dôi dư

Số cán bộ, công chức dôi dư của các phường thực hiện sắp xếp là 53 người, sẽ xem xét đối với từng trường hợp để có hướng điều chuyển đến các phường, xã khác hoặc nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện thì đề nghị xét chuyển thành công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thành phố hoặc công chức, viên chức các sở, ban, ngành của tỉnh hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.2.2. Phương án bố trí những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

a) Số lượng người hoạt động không chuyên trách của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập phường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo và phường Thị Nại

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách hiện có của 03 phường: 25 người.

[(9)] Điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định: "a) … Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức".

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập: 20 người. Bao gồm:

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách theo ĐVHC loại II: 12 người.

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách được tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ [(10)]: 08 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sáp nhập ĐVHC: 05 người.

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập phường Trần Phú, phường Lê Hồng Phong và phường Lý Thường Kiệt

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách hiện có của 03 phường: 28 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách của ĐVHC hình thành sau khi sáp nhập: 23 người. Bao gồm:

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách theo ĐVHC loại I: 14 người.

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách được tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ: 09 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sáp nhập ĐVHC: 05 người.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách dôi dư của các phường thực hiện sắp xếp: 10 người.

d) Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách của các ĐVHC mới hình thành

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương để có phương án sắp xếp, bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở các phường mới hình thành phù hợp, đúng số lượng theo quy định *(gồm có số lượng được phân bổ theo ĐVHC và số lượng được tăng thêm theo quy mô dân số).*

Tổng số người hoạt động không chuyên trách của 02 phường mới hình thành: 43 người.

đ) Phương án giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư

Những người hoạt động không chuyên trách dôi dư của các phường thực hiện sắp xếp là 10 người, sẽ tiến hành phân loại, cho thôi việc đối với những người là cán bộ hưu trí hoặc những người đã quá tuổi lao động tham gia công tác, số còn lại sẽ điều chuyển đến các phường, xã khác còn thiếu hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

[(10)] Điểm a Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định: "a) … Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách".

- Thực hiện bảo lưu các chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với những người được tiếp tục làm việc nhưng không giữ các chức vụ bầu cử trước đây cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo. Sau khi hết thời hạn được bảo lưu thì lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) được thực hiện theo chức vụ, chức danh hiện giữ hoặc giải quyết nghỉ chế độ theo quy định.

- Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư thực hiện theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; quy định về chế độ thôi việc; quy định về chính sách tinh giản biên chế và các chính sách khác.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở tài chính tỉnh Bình Định, UBND thành phố sẽ chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phòng Nội vụ thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thành phố liên quan và UBND các phường thực hiện sắp xếp tham mưu UBND thành phố xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố giai đoạn 2023-2025.

b) Tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, thông qua Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố giai đoạn 2023-2025.

c) Tham mưu UBND thành phố trình UBND tỉnh phân loại ĐVHC và lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp liên quan đến ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

d) Tham mưu UBND thành phố rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; xác định rõ số cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư để giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

đ) Tham mưu UBND thành phố sắp xếp tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

e) Tham mưu UBND thành phố tổ chức sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.

2. Phòng Văn hoá – Thông tin, Trung tâm Văn hoá – Thông tin – Thể thao thành phố

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức,

viên chức, người lao động và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, dư luận xã hội trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố

a) Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp xã theo đúng quy định.

b) Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị thành phố và UBND các phường liên quan lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

4. Phòng Quản lý đô thị thành phố

a) Tham mưu UBND thành phố rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố để bảo đảm sự thống nhất với Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã; đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp.

b) Tham mưu UBND thành phố thực hiện việc phân loại đô thị và việc đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

5. Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố

a) Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ thành phố tham mưu UBND thành phố xây dựng bản đồ hiện trạng địa giới hành chính của thành phố và bản đồ Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ Đề án.

b) Rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

c) Phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu UBND thành phố lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp liên quan đến ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

6. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố

a) Tham mưu UBND thành phố rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

b) Tham mưu UBND thành phố rà soát, đề nghị điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động – xã hội và chính sách đối với người có công tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

7. Phòng Tư pháp thành phố

Hướng dẫn các địa phương những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thanh tra thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã.

9. Công an thành phố

a) Báo cáo Công an tỉnh để có phương án sắp xếp, bố trí lực lượng Công an của từng ĐVHC mới thành lập.

b) Hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

c) Theo dõi nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong sắp xếp ĐVHC cấp xã.

d) Chủ trì, phối hợp với BCHQS thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng và thực hiện tốt phương án đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã và công tác tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các địa phương thực hiện việc sắp xếp.

10. Ban Chỉ huy Quân sự thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện việc rà soát, xác định ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là ĐVHC thuộc khu vực biên giới biển, trọng điểm về quốc phòng.

b) Hướng dẫn việc tổ chức lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

c) Phối hợp với Công an thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và thực hiện tốt phương án đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

11. Văn phòng HĐND và UBND thành phố

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND thành phố ban hành văn bản và tổ chức các cuộc họp liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC cấp xã.

b) Phối hợp tổng hợp, báo cáo kết quả các bước triển khai và kết quả thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của UBND thành phố theo tiến độ quy định.

c) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND thành phố kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

12. UBND các phường: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Thị Nại, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt

a) Tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn đồng thuận với chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các khu phố trên địa bàn trong việc tổ chức lấy ý kiến cử tri về sắp xếp ĐVHC cấp xã; chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri; tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri báo cáo HĐND phường và UBND thành phố.

c) Tổ chức thực hiện việc kiểm đếm, bàn giao hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản công, cơ sở vật chất…. Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã.

d) Tổng hợp, báo cáo UBND thành phố kết quả các bước triển khai thực hiện và kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc để cấp có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết.

13. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

a) Tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và các chế độ, chính sách cho các đối tượng bị tác động khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

b) Hướng dẫn công tác chuẩn bị đại hội nhiệm kỳ 2025-2030 đối với những ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

c) Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của các cơ quan, tổ chức của đảng, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

14. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy

Chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp ĐVHC cấp xã để cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp biết, đồng tình ủng hộ.

15. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội thành phố

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

b) Chỉ đạo Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 ở những ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp bảo đảm dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc thực hiện sáp nhập các ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Quy Nhơn có quy mô không đảm bảo tiêu chuẩn thành ĐVHC đảm bảo tiêu chuẩn theo tinh thần Nghị Quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ là phù hợp và cần thiết nhằm củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tập trung được mọi nguồn lực và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh tạo điều kiện xem xét, xét tuyển, tiếp nhận đối với số cán bộ, công chức

dôi dư của các phường thực hiện sắp xếp (đối với các trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định).

- Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2023-2025, UBND thành phố kính trình UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thành viên BCĐ của thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Phòng Nội vụ thành phố;
- VP (LĐ+C16);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Hoàng Nam